

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

QUYỂN 68

Phẩm 24: CA-DIỆP (Phần 6)

- Giải thích hạnh thứ sáu xong lại nói rộng về A-na-hàm.
- Giải thích hạnh thứ bảy, đến bờ bên kia, nói rộng về La-hán, cho đến Chư Phật.
- Nói về hai người chê bai Phật, Pháp, Tăng:
 1. Vì không tin nên chê bai.
 2. Vì hiểu lầm nên chê bai.
- Giải thích bảy thứ quả: Quả Phương tiện, quả Báo ân v.v... .
Giải thích Phật tánh “Chẳng phải” hữu như hư không, chẳng phải vô như sừng thỏ,...
- Giải thích rộng ý nghĩa Phật tánh như hư không.
- Giải thích rộng nghĩa Đức Phật không tranh luận với đời. Thế gian nói “Có”, Phật cũng nói “Có”.
- Giải thích rộng nghĩa ba lậu.
- Giải thích rộng mười hai nhân duyên, nói về Xúc tăng trưởng sinh ra ba thứ Thọ.
“Đi rồi, lại đứng, dụ cho A-na-hàm được cái ăn rồi trụ” cho đến “Bát-niết-bàn của cõi Vô sắc.”
- Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ba phẩm kiết dưới của cõi Dục dứt hết, gọi là hạnh đã trụ. Hai cõi trên gọi là trụ. Hai là người tham chấp cõi Sắc, Vô Sắc, chẳng phải hiện diệt, đều là người thượng hạnh, ở chung giai vị trụ địa. Vị này lẽ ra phải có tên là “Hạnh”, vì vẫn thiếu sót. Nếu không như vậy, thì về sau, thực hành Bát-niết-bàn xong, sẽ không gì để giải thích.
- Năm hạnh: Đi có chậm, nhanh nên chia thành năm hạnh.
Bảy hạnh: Chia năm thành sáu, không đủ thành tám, vì có đồng tên trong bảy.
- Pháp sư Tăng Tông nói: “Đã dứt hết tư duy cõi Dục, sinh lên Địa

trên, thọ quả báo tốt đẹp, vì tham đắm vị thiền, cho nên trụ. A-na-hàm gồm có hai hạng: Vả, mở ra hai thứ. Văn sau đây sẽ nói rõ, thấy ở chứng đắc Na-hàm, do căn cơ nhạy bén, nên tiến tu, liền được quả La-hán. Hai, Đã được khỏi khổ, tham đắm báo vui, trụ thiền, thọ sinh. Na-hàm có năm hạng, sau đây sẽ giải thích rộng về Na-hàm.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Tùy căn cơ thích hợp mà nói pháp, nên môn giáo khác nhau, hoặc hai, năm, sáu, bảy môn đều sẽ được chiêu cảm cùng lúc. Nay, trước mở ra hai môn:

1. Người hiện Bát-niết-bàn.

2. Từ Trung ấm trở lên, đều gọi chung là thượng lưu. Trung ấm này cũng gồm thâu hết địa vị Na-hàm. Năm môn kế: Từ Trung ấm trở lên, được chánh thức sinh lên Sơ thiền, chia làm bốn người. Đã thọ chính sanh Sơ thiền xong. Về sau thay đổi quả báo. Nhị thiền cũng sẽ thành người thượng lưu. Dù nói có năm tên gọi, nhưng cũng gồm thâu hết. Kế là sáu môn: Năm môn như trên. Vì người đầu tiên trong hai môn trước thành sáu. Bảy môn: Cũng như trên, lấy người ưa định, sinh lên cõi Sắc, dù có bốn môn khác nhau này, nhưng sẽ có một môn gồm thâu hết, cũng không dư sót.”

“Hạng thực hành Bát-niết-bàn có hai hạng” cho đến

1. “Có định tinh tấn.

2. Không có.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu đoạn văn trước không sơ suất thì đoạn văn này sẽ không có gì để giải thích. Bốn người trước rất nhanh, hai người sau rất chậm. Từ người thứ hai đến người thứ tư, sẽ đặt tên riêng, tức thuyết xưa nói người thượng lưu. Nay nói là khác với thượng lưu:

1. Tinh tấn xong.

2. Không có tinh tấn.

Giải thích chung bảy người sở dĩ nhanh chậm khác nhau, vào ra tùy ý, gọi là tự tại, không có là hai người trước.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Kế là giải thích bốn chương môn ở trên. Ở trước, trong phần giải thích hai môn đầu, thứ hai là người tu hành ở trên nếu thọ hai thân là người căn cơ nhạy bén. Nếu từ hai thiền trở đi, sinh đến bốn Thiền, là người căn cơ chậm lụt, lại có hai hạng:

1. Tinh tấn, không có định tự tại. Người này không nhạy bén đối với định đạo. Dù tinh tấn, nhưng lại nhập định, chấp lấy vô lậu, không được ngay, không có định tự tại.

2. Biếng nhác có định tự tại: người này đối với định đạo được bén

nhạy, muốn nhập liền được mà không cần tinh tấn. Lại có hai thứ: Một là có cả hai; hai là không có cả hai, cũng là nhạy bén, chậm lụt.

“Này người thiện nam! Chúng sinh trong cõi Dục, cõi Sắc có hai thứ nghiệp” cho đến “Vì cho nên gọi là Trung Bát-niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghiệp thọ sinh, nghĩa là hành phiền não. Tác nghiệp là thân, miệng hợp thành nghiệp thọ sinh. Vì bốn thứ tâm cuối cùng, nên gọi là Trung. Tự tâm này là Trung. Hữu Học, Vô học: là tâm vô lậu. Phi học, phi Vô học: Thiện hữu lậu và vô ký xả thọ, không dùng vô lậu.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói thọ thân: là Nguyên sinh thân Na-hàm này với căn cơ nhạy bén, đã từ lâu, nhằm chán sinh vào cõi Dục và thời gian thân trung ấm cõi Dục vẫn diệt trong đây, không nguyện thọ sinh ở địa cõi Sắc. Tác nghiệp: Là Tu các công đức lành của bốn vô lượng. Có bốn thứ tâm: Ý nói trung ấm, lúc người Na-hàm Niết-bàn, hai trong bốn tâm này là tâm Niết-bàn.

1. Phi Học, Phi Vô học: Lúc thành quả, ở tâm vô sinh. Tâm vô sinh này không còn là Na-hàm mà nói Na-hàm. Ở trung ấm có tâm này: Vẫn là danh hiệu Na-hàm, nếu mới vào trung ấm là Na-hàm và khi Na-hàm sắp nhập Niết-bàn, đã được La-hán, tâm vô sinh này không phải hai trí tận vô sinh. Do đó, nên không được gọi là Vô học.

2. Tâm học: Là nói khi chưa được La-hán, vì cầu tiến nên được tâm học.

3. Tâm Vô học: La-hán chứng hai trí vô sinh, được gọi là tâm Vô học.

4. Tâm phi Học, phi Vô học: Trở thành tâm vô ký của quả báo La-hán. Dùng hai thứ phi học, phi Vô học để nhập Niết-bàn. Hai tâm trung gian thì “Phi”.

Phi học, phi Vô học ở trước: Tâm quán “Không” này không phải là thành quả của dứt kiết, chỉ đi trong quán “Không”, vì muốn nhập Niết-bàn, nên lấy phi học, phi Vô học ở sau. Nếu dựa vào cách giải thích về La-hán trong bốn phần Tỳ-đàm thì sẽ tùy ý (nhậm vận) được nhập Niết-bàn. Cho nên lúc trung ấm nhập chỉ dùng hai tâm, còn hai tâm trung gian thì không sử dụng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thọ thân Niết-bàn: Kế là giải thích về người thứ hai. Người này thọ chánh sinh của Sơ thiên, dứt hết kiết của ba cõi, liền thành La-hán, được gọi là thọ thân Niết-bàn.”

“Này người thiện nam! Hành Bát-niết-bàn là thường tu hành đạo nghiệp” cho đến “Đó gọi là Vô hành Bát-niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tu hành xong, không có tu hành, là sự khác nhau giữa căn cơ nhạy bén, chậm lụt trong thọ thân.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Về hành Bát-niết-bàn, kể là giải thích về người thứ ba, chỉ vì thọ chánh sinh của Sơ thiên. Căn cơ có sự đặc biệt giữa ba phẩm nhạy bén, chậm lụt. Người này rất chậm lụt, cùng cực hành đạo trong sinh, sau đó mới đắc quả, gọi là hành Bát-niết-bàn.”

Đạo Tuệ ghi: Hoặc lại hai thân: Lại nêu ra ngoài khác nhau trong hành Niết-bàn thứ ba, như luận gia chỉ nói rằng, có ba người trong Sơ thiên. Ở đây nói hoặc hai thân, bốn thân, chứ không phải hành trên, tức là không chỉ Sơ thiên.”

“Hạng thượng lưu Bát-niết-bàn, nếu có người được” cho đến “Đến đệ bốn thiên cũng vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hàng phục kiết, sinh đệ bốn thiên, vì dòng phiến não lui sụt, dòng chung thì tiến lên, trên, dưới đều trở về dòng, gọi là thượng lưu, khác với thuyết thường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói thời gian sau khi được bốn thiên, khởi tâm ái Sơ thiên, lùi lại sinh Sơ thiên. Nếu theo số luận thì không có sinh lui sụt, cũng có thể nói thân này chỉ ở Sơ thiên, sau khi được tâm bốn thiên, lúc bấy giờ lại khởi tâm ái Sơ thiên, nên nói lui sụt, thật ra không phải là sinh ra lui sụt. Từ dòng đạo này, tức là trở lại dứt kiết, đến bốn thiên.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giải thích người thứ năm. Từ giải thích chánh sinh của Sơ thiên, thọ báo của nhị thiên trở lên, được gọi là chung là người thượng lưu, nếu có người được thiên thứ bốn xong, lùi lại sinh Sơ thiên, chỉ lời nói này thì không phải nói về người Na-hàm dứt kiết của địa dưới. “Hoặc” ở ba thiên đã hết, đâu còn lui sụt. Đây là người của dòng phiến não, phần vị của phàm phu.

Đã giải thích người Na-hàm, vì sao lại dẫn phàm phu này? Vì quả trách nổi hoài nghi của chúng sinh. Nếu từ địa dưới hướng lên địa trên, cũng gọi là thượng lưu. Từ thượng lưu, nhưng là sự “Pháp nhĩ”. So sánh với thượng lưu, nếu vì giống như gió từ hướng đông thổi đến, thì gọi là gió đông. Nước từ phía Tây chảy đến, thì gọi là dòng Đông, đó là nói theo gió. Từ chỗ đã đến để đặt tên, nước là lời nói. Y cứ chỗ hướng đến thì việc của hai người này đồng nhau. Ở đây, e rằng người tìm kiếm là sai trái, lầm lẫn, nên dẫn phàm phu, nhằm phân biệt chánh, dùng dòng đạo gọi là người Na-hàm. Không lấy dòng phiến não, nghĩa là vì người thượng lưu.

“Trong bốn thiên này lại có hai loại” cho đến “Hạng ưạ nghị luận

thì ở năm tầng trời tịnh cư.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

1. “Người nhập cõi Vô sắc, chính là thượng lưu, vì chia thành cõi vô Sắc, nên là sự khác nhau trong dòng.

2. Người thích trí tuệ, giải thích lý do chia ra định tuệ bằng nhau của bốn thiền. Định của cõi Vô sắc, thì tuệ nhiều, tu ít, đồng thích tuệ, không ưa thích định. Một trong, hai ngoài. Trong là thân mình, ngoài là thân người. Định, tuệ của Trung ấm dù yếu ớt, nhưng đạo của trung ấm rất mạnh mẽ, phiền não thô động, thấy tai hại lỗi lầm, riêng được Niết-bàn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Kế là, giải thích về người thứ bảy trong môn thứ tư, chỉ tự người hiện diệt thứ nhất trong hai môn đầu, không giải thích. Kế là, người thứ sáu trong sáu môn cũng không giải thích. Vì sao? Vì nói thần căn của người này rất nhạy bén, có khả năng biện minh tức khắc bốn quả trong một thân. Ý chỉ đó không có cong vạy, ý đổi thay mà không tỏ bày. Nếu ý chỉ ấy không như vậy, thì cũng chớ so lường lý do của ý chỉ đó. Nói về sở thích của chúng sinh khác nhau: Nếu là người ưa thích biện luận thì sinh lên Năm tịnh cư. Nếu là người ưa vắng lặng, thì sẽ sinh lên cõi Vô sắc.”

“Lại có hai hạng: Một là tu huân tập thiền” cho đến “Thì sẽ quả trách định cõi Vô sắc.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hai người như vậy:

- Huân tu thiền.

- Không tu.

1. Tu: nghiệp trở lại trong Bốn thiền, chỗ thọ sinh khác nhau.

2. Không tu: thì không có nghiệp như số này. Kinh gia tạo ra pháp huân tu thiền rằng: Từ tâm vô lậu xuất, huân tu thiền hữu lại làm cho lý lẽ sáng suốt. Nếu như vậy tức là bậc Thánh lại khởi nghiệp. Kinh nói: “Đâu nói bậc Thánh hoàn toàn không tạo nghiệp mới? Phải biết rằng, những gì nay giải thích, chính là nghiệp trong bốn thiền xưa, nói thẳng là bậc Thánh đã vận dụng năng lực vô lậu tự tại, có thể thay đổi nghiệp xưa, việc sinh về chỗ riêng thì sẽ không có nhân riêng. Hỏi: Vì sao? Vì Phạm, Thánh trong Bốn thiền đều cùng chỗ, thường huyên náo, lẫn lộn, vì không thể sinh trí tuệ sâu xa, nên quay lại nghiệp này, sinh về xứ khác. Nếu sinh về xứ đó, thì sẽ cách xa quả báo của phạm phu, tức là tinh lực soi rọi ở tâm, mặt trời trí tuệ xán lạn. Cho nên kinh gọi người thích luận bàn, thì sinh lên năm tầng trời tịnh cư.

Đã giải thích về sáu người rồi, chúng sinh lại hưởng về giải thích

bạch trung Bát-niết-bàn, sinh ra hai điều nghi.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Trong cõi Dục có trung Bát-niết-bàn, cõi Sắc không có.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bồ-tát Ca-diếp vì chúng sinh nên hỏi. Câu hỏi thứ nhất: Nói về “Trung Niết-bàn. Lại nếu thần căn đã nhay bén, sao hiện tại không nhập Niết-bàn?” câu hỏi thứ hai: “Sao cõi Dục có Trung Niết-bàn, mà cõi Sắc không có?”

“Này người thiện nam! Người mang thân bốn đại trong hiện tại rất yếu kém” cho đến “Cho nên không được Niết-bàn hiện tại.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đức Phật không đáp theo thứ lớp. Trước đáp câu hỏi rằng: “Thần tình của người này dù nhay bén, nhưng ở hiện tại, vì “Duyên” vào đạo không đủ, nên phải làm thân trung ấm, không được nhập diệt ngay trong hiện tại.”

“Này người thiện nam! Như điều ông hỏi: “Vì sao” cho đến “Tham lam keo kiệt, giận dữ, nên gọi là Trụ.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Kế là đáp câu hỏi sau: Thọ sinh cõi Dục là địa khổ, cũng phải nương vào duyên ngoài giúp đỡ, thì báo thân mới được lập. Nhưng chính vì dùng báo thân này, nên đã bị duyên phiền não ép ngặt, cho nên đến sau này quán sát cõi Dục là lý do phát ngộ, cho nên ở cõi Dục có trung ấm. Cõi trên là địa thiện, không đợi duyên giúp sức bên ngoài. Lại vì không có khổ lớn, nên không có trung Niết-bàn.”

“Này người thiện nam! Người đến bờ kia, dụ cho A-la-hán” cho đến “Cho nên dụ như rùa thần, vì ở dưới nước, hay trên đất liền đều qua lại một cách thông dong.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giải thích người thứ bảy, từ La-hán trở lên đến Chư Phật, vì gọi chung là một người, nên mượn dụ rùa thần có thể lội dưới nước, đi trên đất liền. Chỉ vì giỏi việc lội dưới nước, đi trên đất liền, như vãn đã kết hợp. Trong sông thế gian, dù có bảy thứ khác nhau, nhưng đều không lìa nước. Trong Niết-bàn cũng giống như vậy, chính là có sự khác nhau giữa bảy người, cũng đều không lìa nước Phật tánh, chỉ vì nghĩa Phật tánh tùy từng việc mà gồm thâu: hoặc “Duyên” nhân, hoặc cảnh giới, rất nhiều như vậy, hoặc nhân, hoặc quả đều là Phật tánh.”

“Này người thiện nam! Như bảy hạng chúng sinh trong sông Hằng” cho đến “Đó gọi là tùy tự ý nghĩ của Như Lai.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích đều là phương tiện của Phật.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Nếu có nhân” cho đến “Thế nào là Sa-môn? Thế nào là quả Sa-môn?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói quả là thường, thành nghĩa bên kia bờ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lại hỏi: “Niết-bàn không có thể của nhân, lẽ ra không phải là quả mới phải?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lại nêu lên hai câu hỏi:

1. Nếu Niết-bàn không có nhân, thì làm sao gọi là quả?

2. Niết-bàn cũng gọi là Sa-môn, thế nào là Sa-môn? Thế nào là quả Sa-môn?

“Này người thiện nam! Tất cả thế gian có bảy thứ quả” cho đến “Tức là pháp lành đã tu trong vô lượng đời.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu bảy thứ quả này với ý muốn chứng lấy quả xa lìa sau cùng.”

“Này người thiện nam! Như pháp thế gian, hoặc nói sinh nhân” cho đến “Chỉ có liễu nhân, không có sinh nhân.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sinh nhân của pháp hữu vi có hai thứ:

1. Do nghiệp sinh, gọi là sinh nhân.

2. Vì gần là sinh nhân.

Liễu nhân cũng có hai thứ:

1. Vì quả bất sinh, nên gọi là liễu.

2. Vì xa là liễu, pháp hữu vi khởi, nhân có chỗ sinh, nên gọi là sinh nhân, mà sinh nhân có gần, có xa. Xa thì gọi là “Liễu”, xuất thế cũng giống như vậy, nghĩa là xuất thế thì vô vi. Vô vi thì không có khởi nhân, không có sinh, gọi là liễu nhân. Có gần, xa: Gần thì gọi là sinh nhân, sinh nhân là phiền não bất sinh, tức Niết-bàn. Thân, miệng, ý thanh tịnh, đều dứt hết phiền não. Ba thoát là gần, gọi là sinh nhân, cũng là Niết-bàn mà tạo ra liễu nhân, ba mươi bảy phẩm cũng có gần xa. Xa gọi là liễu nhân, thấy rõ ràng đối với Niết-bàn, nói là không có sinh nhân, đáp câu hỏi trên, thấy Niết-bàn là quả, vì không có sinh nhân, nên gọi là “Thường”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói Niết-bàn là quả của liễu nhân, chứ không phải là chỗ sinh của sinh nhân. Ba môn giải thoát..., tạo ra bất có sinh đối với phiền não. Vì mạnh mẽ, cho nên lập ra sinh, sinh không phải nhân.”

“Này người thiện nam! Như ông hỏi: “Thế nào là Sa-môn” cho đến “Đó gọi là Sa-môn, quả Sa-môn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước nói là thể của đạo quả, dưới tự giải thích danh nghĩa. Vì muốn đáp câu hỏi thứ hai, nên nói Sa-môn-na, tức tám Chánh đạo.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Vì sao” cho đến “Cho nên được gọi là Sa-môn-na.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hữu vi yếu kém, gọi là thiếu thốn. Sự khác nhau của sáu đường, gọi là đạo. Tám đạo từ đối tượng đoạn mà được gọi tên.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ở đây nói đạo dứt thiếu thốn chỉ là sinh tử. Đạo dứt thiếu thốn có thể không dứt tất cả quả báo phiền não, có tám Chánh đạo, tức hạnh tràn đầy, nghiệp phiền lụy tiêu tan hết, gọi là quả Sa-môn.”

“Này người thiện nam! Bạc A-la-hán tu đạo này” cho đến “Gọi là A-la-hán được đến bờ bên kia.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích về pháp của bờ bên kia. Năm phần trên là chung. Ở đây nói rộng về hai giải thoát tri kiến, thân qua đến bờ bên kia.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nêu bốn trí để kết luận. Nói đủ bảy đức tròn đầy này, tức gọi là đến bờ bên kia.”

“Như A-la-hán, Bích-chi-Phật” cho đến “Vì được quả nên gọi là đầy đủ”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Được đạo vô thượng, mới gọi là đầy đủ, chỉ có mình Phật. Gọi chung Bồ-tát, là vì đạo đồng, mới đối với người Nhị thừa cũng là bờ bên kia.”

“Này người thiện nam! Bảy hạng chúng sinh này không tu thân” cho đến “Vượt qua sông sinh tử, đến bờ bên kia.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trên đã nói rộng về nghĩa đầy đủ. Ở đây lại nêu bày tóm tắt.”

“Hoặc có thuyết nói: “Người nhất-xiển-đề” cho đến “Nếu nói không được thì đó là luống dối.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói rằng hiện tại được không được, vị lai được, không được, sớm gọi là đấm, chứng tánh là luống dối.”

“Này người thiện nam! Trong bảy hạng người này, hoặc có một người đủ bảy, hoặc có bảy người, mỗi người đều có một.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Một người đủ bảy, nghĩa là nói một người của ba đời, mỗi người đều có một, nghĩa là y cứ ở hiện tại.” Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giả gọi một người, đương lai sẽ đầy đủ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói theo đầu cuối thì Đức Phật cũng từng làm xiển-đề, cho nên một người đủ bảy. Nói theo đường vị thì mỗi người đều có một.”

“Này người thiện nam! Nếu có người tướng tâm miệng khác nhau,” cho đến “Nên biết, người này chê bai Phật, Pháp, Tăng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã nói tướng “Có”, “Không” của bảy tánh, chắc chắn sẽ thấy khác, nói khác, tức là chê bai Phật. Tâm thấy tướng khác, miệng khác với bảy tướng mà nói cũng giống như vậy. Sau đây, tự có giải thích:

Tám phần Thánh đạo, cuối cùng chẳng phải là phạm phu được, nghĩa là được thì hiện tại không được, vị lai không được. Vị lai không được thì nói lời chê bai.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu nói thể của tám Chánh đạo kia, lúc được quả thì tự là quả, lúc bất thiện tự là bất thiện, ý nói nhân quả không lìa. Nếu có xiển-đề đã được Bồ-đề, hoặc đều không được, đều gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là trở lại đoạn văn thứ năm trong phần phát sinh pháp lành, nêu câu kết được, mất. Trước nói rộng về lỗi lầm. Câu một, hai sau đây được nói song song, vì dù nêu việc mất, thậm dứt mất đoạn văn kia, nhưng không thể ngay văn mà dùng.” “Hoặc có thuyết nói: “Phật tánh của chúng sinh” cho đến “Vì

ý ngữ, nên gọi là Tam-miêu Tam-phật-đà.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không” đối với chúng sinh là “hữu”, thường không thể thấy, Phật tánh cũng có. Tu đạo thí thấy, chứ chẳng phải “Không có” như sừng thỏ. Sừng thỏ hiện “Không có”, không thể dùng phương tiện mà được Phật tánh cũng không thể dùng phương tiện mà được. Vì hư không là thường, nghĩa là thường không thể nhìn thấy. Vì sừng thỏ “Không có” nghĩa là “Không” thể sinh được.”

Vừa có vừa không có: “Có” là “Sẽ có”, “Không có” là hiện tại không có. Vì “Có” nên đả phá sừng thỏ. “Sẽ có” là có thể có, khác với sừng thỏ. Vì “Không có”, nên đả phá hư không, nghĩa là hiện tại dù không thấy, nhưng cuối cùng, sẽ thấy, chẳng đồng với “Không”.

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Như Phật đã nói” cho đến “Thế nào gọi là như hư không?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phần sáu của đoạn lớn, nói về môn “Thường”. Sở dĩ nói về “Thường”, là vì phân biệt được Phật tánh, trở lại sinh gốc lành, khéo được quả thường. Nói về “Thường” chỉ có hai thứ:

1. Vô thường, là hư không.
2. Hữu thường, là Phật tánh.

Vô thường, không thể tu được. Hữu thường, tu đạo thì thấy. Vì muốn cho người nhận thức được quả thường, tu nhân thường, không cho Phạm Thiên... là thường. Trải qua từ đầu cho đến hiện nay, Đức Phật đã dùng “Không” dụ cho tánh. Trên đã nói rằng hữu, chẳng như hư không. Nay, hỏi về ý của nói ví dụ xưa kia.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ý hỏi: “Nếu Phật tánh chẳng thuộc về ba đời mà gọi là “Có”, thì hư không cũng chẳng thuộc ba đời, lẽ ra cũng là có? Đây đều là hỏi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vật tình đối với lý tánh của nhân quả đã quyết định, tức là muốn tu thân, nếu không nhận thức quả, thì sẽ không do đâu để tiến tu, nên nêu thể của Phật tánh chẳng thuộc về ba đời, cho nên người có nhận thức thì sẽ đồng được ở vị lai. Phẩm Sư Tử Hống ở trước dù đã nói về thể của quả là “Thường”, nhưng rốt cuộc vẫn chưa giải thích đúng về sự khác nhau giữa “có”, “Không” của thể quả này. Nay, phân biệt hư không dù “Thường”, mà tánh nó là “Không”. Niết- bàn diệu hữu, với tánh vắng lặng, đều chẳng phải ba đời, mà có hữu, vô khác nhau .”

“Này người thiện nam! Tánh của hư không chẳng phải quá khứ” cho đến “Ta nói Phật tánh cũng như hư không.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không” có bốn nghĩa, dùng để dụ cho tánh:

1. Không có ba đời.
2. Chẳng phải vật.
3. Không có trong, ngoài.
4. Không có ngăn ngại.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Vì ý Phật chẳng phải ba pháp này, nên nói là “Có”. Phiền não đối với Niết-bàn, Xiển-đề đối với Như Lai. Vô tình đối với Phật tánh. Vì ba cặp này, nên có hư không chẳng có đối, đâu được là “Có”.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nay, y cứ vào một đoạn thuyết này có bốn lượt gọi “Này người thiện nam! Về nghĩa:

1. Nói về thể của quả Phật là “Thường”, khác hẳn với “Thường” của hư không. Dù hai thường đồng nhau, nhưng ý chỉ của “Thường” là khác nhau.

2. Chúng sinh lại sinh ra ngờ vực: Nếu hai “Thường” đều chẳng thuộc về ba đời thì sao không gọi là “Có”, mà một “Có” một “Không”.”

Phật giải thích rằng: thường ấy là đồng, phải có một đối trị, có thể gọi là hữu, mà hư không là vật, chẳng phải không thể đối trị, cho nên là vô.

3. Quả trách ngoại đạo chấp ngang trái hư không là nghĩa “Có”.

4. Dẫn chứng nói về người trí của ba đời, đều nói như vậy. Nay ở môn đầu, tóm lược phát ra vài việc để nói về tướng khác nhau của hai “Thường” kia. Nhưng trong văn, Phật đã nói lên ý chỉ “Thường” kia, lý tự rõ ràng.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Lìa các vật vô tình này, gọi là Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ngoại đạo nói “Không” là pháp “Hữu”, cho nên phải nói rõ. Hiệu chung của thân tâm Như Lai, tánh là tên khác của ngộ, giải. Niết-bàn là tên chung của diệt khổ. Ba nghĩa khác nhau mà thường nhất, gọi riêng là “Chẳng phải Niết-bàn”, gọi là Niết-bàn. Thế Đế là pháp có, có, không, đúng, sai đều là tương đối. Hư không, thế đế nói là “Không”. Tất cả pháp phiền não hữu vi: Phiền não là nhân, hữu vi là quả. Nhân, quả là khổ, diệt là vui. Nhất-xiển-đề đến Bích-chi-phật: sáu độ là như đạo. Nương như đạo mà đến, nên gọi là Như Lai. Những nhân quả này không nương như đạo, Bồ-tát thì nương như đạo, mà vì chưa đến nên bỏ. Vật vô tình: Vô tình không có tánh ngộ thoát, là chẳng phải tánh.”

“Này người thiện nam! Tất cả thế gian chẳng có pháp nào không phải hư không” cho đến “Lìa bốn ấm rồi, thì không có hư không.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thế gian trụ trong hư không, vì không có chỗ chẳng phải hư không đối với “Không”, cho nên chẳng có đối. Chẳng có gì không phải bốn đại đối với bốn đại: tánh “Sắc” chẳng phải “Không”. Trụ ở trong “Không” đều là không đối với không, nghĩa là tâm dựa vào đại khởi, cũng đều là đại đối với đại, đâu được gọi bốn đại là có ư? Đức Phật không đáp, vì bốn đại kia chẳng quyết định. Dùng trí đáp để đáp. Vì sao? Vì đối tượng mà sáu thức nương tựa đều khác. Năm thức dựa vào đại, ý thức không nương tựa. Vì vô “Sắc” chẳng trụ “Không”, nên chẳng quyết định.

Niết-bàn là cuối cùng, yên ổn đến bờ kia: Đó đều là xưa không được mà nay được, “Không” vô nghĩa này. Lìa thuyết như vậy, cuối cùng thuộc về ba đời... Lìa ba pháp, Như Lai, Phật tánh v.v... Ba pháp là hữu vi, nếu hư không là đồng, thì đồng ở ngoài ba pháp. Thuyết của người đời nói, cuối cùng chẳng thể không thuộc về ba đời, nghĩa là Đức Phật nói hai nhóm pháp Sắc và Vô sắc cho đến có thể thấy, không thể thấy. Sắc là bốn đại, chẳng phải sắc là tâm sở,”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Chẳng có gì không phải là đối của bốn đại. Vì câu hỏi này thô, nên Phật trí đáp. Như người đời nói Không chẳng phải sắc là tâm sở, sau đây sẽ nói rộng về hiểu tà, đều chẳng được tương “Không”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bắt đầu câu hỏi thứ hai, chính là giải thích ý khác nhau, nêu lên hư không để quyết định Niết-bàn. Nay, cả hai câu hỏi đều “Có”. Nay, Phật đáp rằng: “Dù đồng là “Thường”, nhưng phải là quả Phật có đối trị mà chẳng phải “Không có”. Nói ba pháp: Như Lai, Phật tánh, Niết-bàn, vì đồng có đối tượng trị, nên thuộc về “Có”. Vì thế dưới đây sẽ bỏ hai cách giải thích về ba nghĩa này, vì chẳng phải Niết-bàn: là pháp sinh tử, chính là đối tượng trị sinh tử này, vì quả luống dối đã diệt hết, nên gọi là Niết-bàn. Là chẳng phải Như Lai: Phái Nhị thừa, xiển-đề có tâm chấp tướng nặng, nên không thể hiểu đúng như lý. Như Lai có khả năng dứt sự hiểu biết không đúng như lý này, vì được hiểu biết đúng lý nên gọi là Như Lai.

Vì chẳng phải Phật tánh: Vì là chúng sinh cho nên không thấy Phật tánh do có nghiệp báo phiền não, nên phải dựa vào quả mà giúp thân. Đức Phật đã dứt hết nghiệp báo, không có gì cần thiết, tức là soi sáng cùng tận lý Phật tánh, là nói nghĩa bóng tối che chướng, nghiêng về đối trị hết nghiệp báo này ở hiện tại, nên gọi là Phật tánh. Tất cả thế gian chẳng có gì chẳng phải hư không đối với hư không. Thế gian chẳng có một vật nào chẳng phải hư không. Lại vì, bị hư không đối trị, nên đâu được hỏi rằng: “Hư không là ý hiểu biết bất chính. Tuy nhiên đối với tình chấp chúng sinh chưa bỏ, nên Bồ-tát Ca-diếp từ đây về sau sẽ lập ra một điều. Nếu hư không có bị đối trị thì chẳng thể là “Có”. Nay, lúc bốn đại khởi, cũng chẳng bị đối trị, vì sao gọi riêng bốn đại là “Có”? Hư không là vô, lời lẽ quyết định đã như vậy. Nay, Đức Phật vì sẽ giải thích, nên đều nói rằng: “Hư không cũng đồng với Niết-bàn là “Có”, nghĩa ấy không đúng! Vì sao? Vì nói Niết-bàn là “Có”, có thể thấy, có thể chứng đắc, có thể tạo ra các thứ sắc thích ứng, có muôn công dụng của tám ngã, rõ ràng có thể được, là hiện có. Hư không chẳng có dụng này, làm sao là “Có”? Hư không đã chẳng phải như Niết-bàn này. Sau đó, Đức Phật đáp câu hỏi: Từ “Nếu lìa pháp như vậy, lại có pháp” trở xuống, đã đối với quyết định ở trước: Nếu làm cho lìa pháp như vậy, có riêng một pháp mà là “Có” thì cái “Có” này sẽ thuộc về ba đời. Nếu hư không đều là “Có” thì lẽ ra thuộc về ba đời, là pháp vô thường? Đáp về lý đã bày tỏ. Đức Phật lại dẫn việc, lại hỏi Bồ-tát Ca-diếp rằng: “Như người đời nói hư không gọi là chẳng có sắc, chẳng có đối”. Nếu

hư không chẳng phải sắc mà là “Có”, thì lẽ ra tức pháp tâm sở? Nếu là tâm sở thì chẳng thể không thuộc về ba đời, tức đồng với bốn ấm!?”

“Này người thiện nam! Các ngoại đạo nói” cho đến “Nếu thuộc về ba đời thì sao lại nói là thường?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ngoại đạo gọi hư không là sắc, có đối để thấy. Phật nói chẳng phải sắc, chẳng có đối, chẳng thể trông thấy.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đoạn văn thứ ba, là phá chấp của ngoại đạo. Về nghĩa đúng nói hư không là “Không có”, mà nhà ngoại đạo lại chấp là “Có”, cho nên phải phá: “Nếu ông nói hư không là ánh sáng, rồi chấp cho là chỗ trụ, thì tức là sắc pháp. Nếu là sắc pháp, thì tức là có nơi chốn khác nhau, thuộc về ba đời, là pháp vô thường!?” Nói về hư không chẳng lìa ba pháp Phật lại tạo ra tướng để phá muôn pháp “Có” “Không”, đều chẳng lìa ba pháp này. Ông chấp hư không ở trong pháp nào? “Không” lấy trực tiếp chỗ không có vật thể để gọi là không Thật, là như sắc pháp cột, gỗ... “Không thật” là mé hữu, vô. Nếu nói hư không ở trong pháp không, thì lẽ ra là vô thường? Vì sao? Vì hư không này chẳng khắp chỗ thật và “Không thật” tức là số phần. Nếu là số phần, thì không khỏi vô thường, thật khác với “Không thật”. Hai pháp lại đâm đạp nhau. Ý phá như trước, đều có lỗi không khắp.”

Này người thiện nam! Nếu lại có thuyết nói về hư không” cho đến “Nếu hư không như vậy thì lẽ ra là vô thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì chỗ thật là không thì chẳng khắp, lẽ ra là vô thường. Hai chỗ là không nghĩa là chỗ thật thì chẳng không, chỗ không thì chẳng thật.”

“Này người thiện nam! Người thế gian nói trong tất cả pháp” cho đến “Hư không chẳng có ngăn ngại, đều hợp với “Có”.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đều có nơi chốn, gọi là tất cả có. Chỗ bị chấp có hai thì đều là vô thường, nghĩa là theo vật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đã phá ba câu này xong. Về sau, lại kết rằng: “Hư không là vô. Lại như người đời nói “Tất cả nơi nào không có ngăn ngại đều gọi là hư không”. Đức Phật lại lập ra câu hỏi: “Nếu chỗ không có trở ngại, gọi là hư không, thì hư không này được xem là tất cả đều đầy đủ, có khắp nơi là “Có” chỗ, “Không có” chỗ, thì sẽ là phần “Có. Nếu “Có” đầy đủ ở nơi này thì nơi khác sẽ “Không”, vì tất cả chỗ không thể khắp được, hư không của ông đã là “Có”, thì làm sao khắp được? Nếu không khắp thì có thể đếm pháp kia, đây là vô thường!” Lại nếu có người nói: “Hư không chẳng có trở ngại, đều kết hợp với “Có”,

cũng không có việc ấy.”

Lại có thuyết nói: “Hư không ở trong vật, như trái cây trong chậu”. Cho nên biết chẳng có hư không.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chim thì lay động, cây thì vắng lặng, gọi là khác nhau. Hai con dê húc nhau cả hai đều cùng cử động, gọi là chung. Hai ngón tay chập lại một chỗ. Trước ngón tay có hư không, trước hư không đã có ngón tay. Có hai hư không, hai “Có” chập lại một chỗ. Nếu có nghiệp không, kết hợp với vật, “Không” thì vô thường, là vật thì trụ, hư không thì động, mà đã là động thì vô thường. Vật thể thì không khắp. Vì vật thể không khắp, cho nên động. Vì không khắp, nên vô thường. Sau đây sẽ nói về lỗi chẳng hư không khắp.

Nếu hư không là thường thì vật lẽ ra cũng là thường; Nếu vật thể lay động không có hư không, thì hư không sẽ không khắp. Không khắp mà thường, thì vật lẽ ra cũng là thường? Nếu hư không và vật là đồng, vừa thường vừa vô thường, thì không có việc đó! Nếu nói hư không là thường, thì ở trước chánh pháp một vật thể khởi, sau kết hợp lại. Trước đó là khắp, sau kết hợp là không khắp. Khắp là thường, không khắp là vô thường, thì không có việc đó! Trước không có kết hợp, cuối cùng là pháp vô thường, nghĩa là nếu đã hợp chung, hợp chung thì hợp có trước, sau. Hợp sau vốn “Không” hợp trước cũng giống như vậy, đều là vô thường. Trước khi không có chậu đựng, cuối cùng thế nào? Nói khắp, thì chậu đựng thì trước không nay có khi chưa có chậu đựng, lẽ ra có chỗ ở. Chỗ ở khác, hư không khác, không nên nói là thường, nói là khắp.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu hư không lìa hư không mà có trụ thì câu hỏi trên sẽ hợp với hư không, câu hỏi ở đây sẽ lìa hư không. Nếu hư không hợp với “Có” thì tức là “Không” đồng với “Hữu”, tức là lìa không mà trụ. Có vật lẽ ra cũng lìa không mà trụ, đều là câu hỏi; nghĩa là có vật thể kết hợp thì lẽ ra lìa “Hữu” chỉ là “Không”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lại nói: “Hư không ở tại vật, như trái cây trong chậu. Vì cả hai đều không đúng, nên trước giả tạo ra ba pháp, sau đả phá lối chấp đều kết hợp của ngoại đạo kia. Sau sẽ phá riêng chấp hư không ở trong chậu:

“Nếu kết hợp với “Hữu” thì có ba pháp kết hợp:

1. Nghiệp khác kết hợp, như chim bay tụ lại đậu trên cây. Cây vốn không xao động, vì chim bay đến đậu trên cây, nên nói là nghiệp khác.

2. Nghiệp kết hợp chung, như hai con dê cụng nhau, nghĩa là hai động vật đều cử động, nên nói là hai nghiệp.

3. Đã kết hợp chung, như hai ngón tay chập lại một chỗ. Lúc trước, cả hai hợp với hai, nay vì đến kết hợp chung, nên nói là đã kết hợp hợp chung. Trước đã tạo ra ba câu này xong. Sau đây, theo thứ lớp, sẽ hỏi để phá:

Nếu nói là nghiệp khác kết hợp chung, khác thì có hai:

1. Xao động: là chim.

2. Không xao động: là cây.

Nếu vậy, thì muôn hữu vốn không xao động như cây. Hư không của ông như chim xao động bay đến, vật kết hợp chung là vô thường! Nếu nói vật thể kết hợp với hư không, vật thể lại không khắp. Nếu thích hợp với không khắp, là pháp phân số.”

“Này người thiện nam! Nếu có thuyết nói “Chỗ ngón tay ở” cho đến “Vì hư không là “Chẳng có”, nên chẳng thuộc ba đời.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phật nói có nương tựa hư không mà trụ, nhưng người mê lầm lại nói có pháp hư không, là có chỗ nương tựa, tức nhân duyên đối với tướng nhân quả đồng nhau. Vì nhân vô thường nên quả cũng vô thường.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đã phá các chấp của ngoại đạo xong. Sau, lại kết luận rằng: “Vì hư không chẳng phải vật, nên gọi là thường, chẳng phải pháp “Có”. Phật tánh thường nhưng vì “Có”, nên chẳng thuộc ba đời.”

“Này người thiện nam! Ta hoàn toàn không tranh cãi với thế gian” cho đến “Người trí nói “Không”, ta cũng nói “Không”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phần bảy, là nói về môn nhân. Sở dĩ phải nói về nhân, là vì ở trên đã nói rằng, chỉ ba pháp là thường, pháp khác đều vô thường, khác với thế gian, mà khác thì sẽ xảy ra tranh cãi. Nay nói vì nhân khác, nên quả khác, là từ lý mà nói khác, đồng với thế trí nói, nên không tranh cãi với thế gian,”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Sau đây là đoạn thứ tư, nói về tu đạo.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phật dạy: “Người trí ở thế gian tức là Bồ-tát. Sau đây, sẽ bỏ đoạn văn thứ bảy trong đoạn lớn, giải thích về hai nhân khác nhau. Vì sẽ nói lý này, nên trước nối tiếp tông chỉ trên, đặt ra câu hỏi: “Người trí của thế gian nói năm ấm là vô thường. Đức Phật lại nói riêng “Ngã” là thường. Thuyết nói đã không theo nhau, sẽ thành sự tranh cãi của thế gian? Vì sao Đức Phật lại nói xa lìa điên đảo, không tranh cãi với thế gian ư?”

Nay Đức Phật đáp: “Phàm phu vì lấy ba lậu làm nhân, nên phải chịu khổ, vô thường. Phật dùng kiến giải chân vô sinh làm “Duyên” để

dứt bỏ nhân hữu lậu, vì chẳng còn vô thường, nên “Tức” thể là thường. Nhân lậu, vô lậu kia đều khác nhau, đâu đồng với thế gian? Như thế tức là thảo luận một cách hợp lý, thì làm gì có sai trái mà phải tranh cãi?

Nay, y theo văn này, rộng, lược có ba lược, giải thích sinh tử vì dùng ba lậu làm nhân, nên thuộc về vô thường. Đức Phật vì không sử dụng ba lậu này làm nhân, nên thuộc về thường:

1. Nói đúng là phàm phu không biết ba lậu là lỗi lầm.
2. Nói về nguồn gốc khởi lậu của phàm phu.

3. Nói về lậu cảm quả chỉ là khổ, không có vui. Nhưng ba lược này, bậc Thánh đã biết được lỗi lầm, quán suốt cội nguồn của lậu kia, vì quán sát, lậu đó, nên sinh ra kiến giải, nên sẽ dứt trừ hết ba lậu, thành tựu tám Chánh đạo.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Đại Bồ-tát” cho đến “Như hoa Ưu-đàm-bát-la.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu nói theo lý thì sẽ không tranh cãi. Vì thấy lý, phải do hạnh, cho nên hỏi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phật nêu mười pháp.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Người trí nói “Không”, ta cũng nói “Không”.” Pháp sư Tăng Lượng nói: Xin quyết định nghĩa hữu vô.

Bồ tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Cho nên nói là thường, hằng không thay đổi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sẽ nói về chấp nhân quả khác nhau, làm câu hỏi: Nếu sự đồng mà nói khác thì lẽ ra đã ô nhiễm. “Đã lia ba thứ” trở xuống, nếu nói theo lý thì chẳng tranh cãi, nói và thấy khác nhau, làm sao không tranh cãi được. Sắc của phàm phu trở xuống là nói nhân quả khác nhau. Nói không đến nơi thì không khỏi ô nhiễm, tranh cãi.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Thế nào là sắc?” cho đến “Biết bệnh rồi mới cho thuốc.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hỏi từ đáp mà lia, thấy lỗi thì lia, không thấy thì theo. Hỏi lược mà đáp rộng.”

“Này người thiện nam! Như có người dắt người mù vào trong rừng gai” cho đến “Dù có cảm thọ quả báo, nhưng quả báo cũng nhẹ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói lia ác có dần dần. Sau khi biết tội lỗi của mình rồi, từ quả báo của trời, người nói lỗi lầm, sẽ được lợi của hai đời. Quả báo nhẹ, là khổ do si mê sinh khởi, vì hề nhận thấy lỗi lầm của mình thì si mê sẽ vơi nhẹ.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Như có người mù vào trong rừng gai. Người mù dụ cho phàm phu, rừng gai dụ cho ba lậu. Lại ba lậu này dẫn dắt chúng sinh chịu quả báo khổ. Bỏ rừng gai để quay trở về như quả khởi thì nhân dứt. Dù cho được thoát khỏi rừng gai, nhưng thân bị trầy xước, dù cho thời gian sau, chán khổ tu đạo, nhưng cũng phải chịu tám khổ.”

“Này người thiện nam! Có bốn hạng người: Một là lúc tạo nghiệp cho đến quả báo của ngạ quỷ, súc sinh, trời, người.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lúc tạo nghiệp thì nặng, đến khi chịu quả báo lại nhẹ. Vì khi tạo nghiệp không thấy lỗi lầm của mình. Đến khi chịu quả báo mới thấy bốn thứ như vậy.”

“Cho nên trong Khế kinh ta nói” cho đến “Không bị pháp thế gian làm nhiễm ô.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Xa lìa phiền não, hạnh quán có năm:

1. Quán thể.
2. Quán nhân.
3. Quán quả.
4. Quán nhẹ nặng.
5. Khuyên tu đạo.

Đây là thường, phần tự hiện trong ba đoạn văn dưới:

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Tức là nhân của tham, nhân của sân, nhân của si.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói về quán tâm hạnh rộng khắp ở trên, duyên theo pháp không được, đều là vô minh, “Duyên” tội lỗi nặng kia, được chia làm “Dục hữu”. Thân mạng ở cõi Dục, nhờ vào duyên ngoài. Duyên ngoài tồn tại, tình dục nặng, gọi là dục lậu. Si ở cõi trên nhẹ, gọi thẳng là hữu. Giác quán ác bên trong, cuối cùng sinh ra dục lậu, “Duyên” là tướng ngoài. Cho nên tất cả gọi là dục lậu, lậu là các phiền não như tham, v.v... duyên trong ngoài sinh, giác quán là tướng “duyên” chẳng phải dục. Năng sinh ra dục là dục, từ dục sinh ra là dục lậu. “Ngã” và “Ngã sở”, không thể phân biệt ẩm giới, đều là vô minh. Phải biết vô minh kia là chung. Nhân tham, nhân si là ba phiền não. “Duyên” với tội nặng kia: Vô minh có cả nhẹ nặng, được làm nhân cho si.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lược thứ hai, trước giải thích, giải thích về danh nghĩa của ba lậu, sau giải thích tướng của lậu, nhân khởi lên nguồn gốc của lậu. Những gì phàm phu đã làm, tâm không thể quên,

chỉ vì tự mình bị lỗi lầm, nên thành nhân của lậu. Bạc Thánh dùng đạo tự xử, vì tâm không tổn động điều gì, nên thành duyên của đạo. Đôi khi nói quả trong nhân, nghĩa là nói về kiến giải vô lậu, vốn chẳng phải quả báo. Vì từ chỗ xuất phát đặt tên, nên nói vô lậu là quả. Bồ-tát Ca-diếp trước đây hỏi về quả vô lậu, lại nói: “Người trí dứt các quả báo, nay các bậc Thánh làm sao có được? Đức Phật đáp: “Thật ra không có quả báo vô lậu. Cho nên biết được vô lậu, là do pháp sinh tử tan nát, diệt mất, chẳng phải lại có tập đế, mà người hiểu biết gọi là vô lậu, chỉ vì không lệ thuộc ba cõi. Do cảm quả biến dịch, e rằng chẳng phải ý Thánh, nhưng hiện tại là liễu nghĩa của Đại thừa. Đức Phật tự quyết đoán rằng: “Sự thật không có quả báo vô lậu”, đâu lại cảm quả sinh tử, trở thành tập Đế ư? Kinh Thắng Man gọi nghiệp vô lậu là “Nhân”, vô minh trụ địa là “Duyên”, nghĩa là tự có ý riêng không quan hệ dùng vô lậu làm tập Đế. Năm ấm là quả của nghiệp phiền não, gói gắm quả báo vô thường, khổ của người khác.

Ở trên, nương vào bậc Thiện tri thức, về mặt lý, vì phát được kiến giải vô lậu này trong duyên, nên nói là quả, nói về lý thì thật ra chẳng phải quả. Hoặc từ thân, tâm cho đến bên Phạm thiên, cũng là nói quả trong nhân. Tâm là nhân nhất định, nhân nhất định này có thể được thân Phạm thiên.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Bốn đại là nhân xa, phiền não cũng như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Làm nhân quả lẫn nhau; chẳng phải nữ lấy nữ, gọi là vô minh. Phân biệt tốt xấu gọi là bất thiện. Lấy tốt xấu rồi, lại thêm tướng nữ. Chín phẩm như vậy, làm nhân quả lẫn nhau. Con là nhân gần, cuối cùng, phiền não cũng giống như vậy. Dù lẫn sinh nhau mà vóc dáng người nữ là nhân xa, tướng mạo đẹp, xấu là nhân gần.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Từ vô minh sinh ra ấm, nhập, giới...”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Là vô minh nội, đến nhân bên trong, bên ngoài, là phiền não. Nhân trong ngoài năng sinh ra vô minh, gọi là vô minh, như nói sắc... gọi là dục.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Người trí phải quán sát nguyên nhân sinh ra phiền não.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lượt thứ hai, nói rộng về việc tạo ra hành nghiệp gì? Cuối cùng nhận phòng nhà như thế nào? Lúc bấy giờ, bạn xấu ác ở chung là xứ. Sự và hành động là đồng, ngoài là khác.

Tâm thọ sâu đậm cúng dường phòng, nhà. Chuyển hạ làm trung, nghĩa làm thêm lớn cho việc ở trên là khác.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Có thể làm lớn mạnh các thứ phiền não.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Muốn nói về phiền não, cũng dùng phiền não quá khứ làm nhân. Như trong một chậu đựng: Từ vô thủy đến nay, khởi vô lượng phiền não, trong chủng tử (hạt giống) dù hàng phục tạm thời, nhưng hễ gặp ái thì sinh.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Người trí quán sát thế nào” cho đến “Phiền não như vậy sẽ chịu các quả ác.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lượt thứ ba nói rộng về ba thứ: Khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Vô thường cũng vậy.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Có quả vô lậu” cho đến “Có công năng diệt trừ tất cả quả báo phiền não.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Các ấm của bậc Thánh là quả phiền não. Nếu dứt quả thì rẽ ra không có bậc Thánh. Nói quả trong nhân, là hễ nói dứt nhân báo thì gọi là đoạn quả. Đây gọi là trong nhân nói quả. Vô lậu chẳng phải là nhân của báo, không ở trong đoạn. “Ngã” từ thân tâm: Định là tâm, Phạm thiên là quả báo của định, định sẽ được thân, gọi là định là thân. Không có quả báo vô lậu: Không có quả báo khổ vui, lại không sinh ra lậu: Không sinh ra lậu, chính là Niết-bàn, không có pháp nào để dứt.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Đó gọi là trong thân có thuốc hay.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bỏ qua phần thứ tư, nói rộng về phần tu đạo thứ năm. Có “Hoặc” gọi là chúng sinh, không có “Hoặc” thì chẳng phải chúng sinh, là nhân quả phiền não. Từ “Hoặc” sinh ra “Hoặc”, không có đạo nào để tu, nói về tám đạo, cũng dùng phiền não làm nhân phát ra một nhân, hai quả. Cuối cùng vì quả ác, nên hội ác. Nhân đã qua thì quả hiện, sẽ làm hội cho vị lai. Điều ác cả ba đời. Trước dụ cho núi Tuyết, là nói trong thân có vua thuốc hay. Xét về việc thì khác với dụ ở trước, lẽ ra không có người có khả năng tu phạm hạnh thanh tịnh như vậy: Tám đạo Niết-bàn có thể tiến đến Niết-bàn, gọi là phạm.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sau đây là lượt thứ ba, nói về ba lậu. Nay, Bồ-tát Ca-diếp phát câu hỏi đầu tiên: “Nếu dùng nhân quả phiền não đều cùng khắp là pháp ác thì sao lại nói rằng, trong thân chúng sinh có vua thuốc hay? Chỉ vì pháp ví dụ khác nhau. Ở trên nói “Vua thuốc

hay, dụ cho pháp nhân Phật tánh”. Nay, trong đây nói rằng: “Vua thuốc hay, nghĩa là kiến giải vô lậu. Nay Đức Phật đáp: “Như thế gian nói: “Từ hạt được trái. Trái này lại làm nhân cho hạt. Có người không thể: Như hạt lúa từ hạt lúa quá khứ sinh ra, gọi đó là quả. Nhưng hạt lúa này lại có công năng sinh ra lúa vị lai, lại thành nghĩa nhân. Vật thể nhánh, lá... dù từ nhân sinh, nhưng lại có khả năng làm nhân sau. Nói về phiền não cũng vậy. Từ nhân của “Hoặc” quá khứ được năm ấm hiện nay. Trong quả hiện nay lại khởi ra nhân vị lai. Quả báo nối nhau. Ở đây có nghĩa “Tức” nhân, “Tức” quả, đã mượn ví dụ như trên. Sau đây là phát ra sự:

1. Có quả phiền não là nhân phiền não: Là nghĩa “Nhân “Tức quả tức hạt.”

2. Quả chẳng phải nhân, nghĩa là vô lậu giải. Đã gởi gắm trong quả báo này, tu được kiến giải này, không còn sinh sau, chỉ cho quả chẳng phải báo, nên gọi là phạm hạnh thanh tịnh.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Đó gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghĩa “Có” chưa rõ ràng, nên hỏi lại: “Quả phiền não chẳng phải nhân phiền não: phiền não khởi có nhân duyên. Dùng phiền não quá khứ làm nhân, tương hiện tại làm duyên. Nhân duyên đều đến. Nếu dùng vô tướng làm duyên, thì nhân đến, duyên không đến, đến này là quả chứ chẳng phải nhân, gọi là phạm hạnh.”

